

Bản án số: 494/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/4/2023  
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà Nguyễn Phước Trinh

2- Bà Mai Thị Tám

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:**  
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1636/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Hoàng Bích V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số B, đường A, tổ A, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Lê Trọng N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số E, đường N, tổ A, khu phố F, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn ngày 25/10/2022, nguyên đơn bà Lê Hoàng Bích V trình bày:

Bà với ông Lê Trọng N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 14/11/2020. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông N không có trách nhiệm với vợ con, ông N không quan tâm bà

kể cả khi bà bệnh. Bà xác định tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

- Về con chung có một trẻ tên là Lê Anh T, sinh ngày 03/8/2021, bà yêu cầu được nuôi trẻ Thu, bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Do ông N đã được tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà V vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện. Ông N vắng mặt nên không có ý kiến.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn ông Lê Trọng N đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

\* Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hoàng Bích V với ông Lê Trọng N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 14/11/2020 nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của bà Lê Hoàng Bích V xin ly hôn ông Lê Trọng N:

Ông N không quan tâm, thương yêu bà V, ông N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến thể hiện ông N không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V, cho bà V được ly hôn ông N.

[5] Về con chung có một trẻ tên Lê Anh T, sinh ngày 03/8/2021.

Xét bà V yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ T là phù hợp vì trẻ Thu chưa đủ 36 tháng tuổi, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V.

Xét bà V không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con là do bà V tự nguyện, bà V có đủ điều kiện nuôi trẻ Thu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung bà V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử buộc bà V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Hoàng Bích V.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Hoàng Bích V được ly hôn ông Lê Trọng N.

2. Về con chung có 01 trẻ tên Lê Anh T, sinh ngày 03/8/2021.

- Bà Lê Hoàng Bích V được trực tiếp nuôi trẻ Lê Anh T.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Hoàng Bích V không yêu cầu ông Lê Trọng N cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Hoàng Bích V phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2022/0020226 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tp. Hồ Chí Minh (01)
- VKSND huyện Củ Chi (02)
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01)
- UBND thị trấn Củ Chi (01)
- Các đương sự (02)
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án (02)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Thắm**